

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ CÀ ĐAM

(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	47		47
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	24		24
-	Thuế giá trị gia tăng	24		24
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-		0
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-		0
-	Thuế Tài nguyên	-		0
2	Lệ phí trước bạ	-		0
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-		0
4	Thuế thu nhập cá nhân	15		15
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	8		8
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-		0
6	Thu tiền sử dụng đất	-		0
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-		0
8	Thu tiền cho thuê đất	-		0
9	Thu khác ngân sách	-		0
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-		0
10	Thu tại xã	-		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-		0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	76.487	-13.965	62.522
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	76.487	-13.965	62.522
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	16		16
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	8		8
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	8		8
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	76.471	-13.965	62.506
-	Bổ sung cân đối	13.872		13.872
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	-		0
-	Bổ sung có mục tiêu	62.599	-13.965	48.634
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ THANH BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	38		38
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	14		14
-	Thuế giá trị gia tăng	14		14
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-		0
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-		0
-	Thuế Tài nguyên	-		0
2	Lệ phí trước bạ	-		0
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-		0
4	Thuế thu nhập cá nhân	-		0
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	24		24
	<i>Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>	-		0
6	Thu tiền sử dụng đất	-		0
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-		0
8	Thu tiền cho thuê đất	-		0
9	Thu khác ngân sách	-		0
	<i>Trong đó: Thu phạt ATGT</i>	-		0
10	Thu tại xã	-		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-		0
II	Tổng thu ngân sách xã (I)+(2)	108.129	-14.760	93.369
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	108.129	-14.760	93.369
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	29		29
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	24		24
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	5		5
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	108.100	-14.760	93.340
-	Bổ sung cân đối	21.419		21.419
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	-		0
-	Bổ sung có mục tiêu	86.681	-14.760	71.921
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ TÂY TRÀ BÔNG

(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	12		12
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	-		0
-	Thuế giá trị gia tăng	-		0
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-		0
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-		0
-	Thuế Tài nguyên	-		0
2	Lệ phí trước bạ	-		0
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-		0
4	Thuế thu nhập cá nhân	-		0
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	12		12
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-		0
6	Thu tiền sử dụng đất	-		0
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-		0
8	Thu tiền cho thuê đất	-		0
9	Thu khác ngân sách	-		0
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-		0
10	Thu tại xã	-		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-		0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	101.357	-14.280	87.077
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	101.357	-14.280	87.077
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	1.500		1.500
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	12		12
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	1.488		1.488
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	99.857	-14.280	85.577
-	Bổ sung cân đối	13.545		13.545
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	-		0
-	Bổ sung có mục tiêu	86.312	-14.280	72.032
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-		

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ
SON TÂY**

(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	9.684		9.684
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	9.363		9.363
-	Thuế giá trị gia tăng	530		530
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-		-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-		-
-	Thuế Tài nguyên	8.833		8.833
2	Lệ phí trước bạ	-		-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-		-
4	Thuế thu nhập cá nhân	265		265
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	56		56
	<i>Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>	-		-
6	Thu tiền sử dụng đất	-		-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-		-
8	Thu tiền cho thuê đất	-		-
9	Thu khác ngân sách	-		-
	<i>Trong đó: Thu phạt ATGT</i>	-		-
10	Thu tại xã	-		-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-		-
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	114.416	6.244	120.660
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	114.416	6.244	120.660
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	11.019	-	11.019
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	56		56
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	10.963		10.963
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	103.397	6.244	109.641
-	Bổ sung cân đối	5.756		5.756
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	5.594		5.594
-	Bổ sung có mục tiêu	92.047	6.244	98.291
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-		-

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ
SON TÂY THƯỢNG**

(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	8.728		8.728
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	8.584		8.584
-	Thuế giá trị gia tăng	250		250
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-		-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-		-
-	Thuế Tài nguyên	8.334		8.334
2	Lệ phí trước bạ	-		-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-		-
4	Thuế thu nhập cá nhân	125		125
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm ân phí)	19		19
	<i>Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>	-		-
6	Thu tiền sử dụng đất	-		-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-		-
8	Thu tiền cho thuê đất	-		-
9	Thu khác ngân sách	-		-
	<i>Trong đó: Thu phạt ATGT</i>	-		-
10	Thu tại xã	-		-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-		-
II	Tổng thu ngân sách xã (I)+(2)	110.949	(11.058)	99.891
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	110.949	(11.058)	99.891
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	10.503	-	10.503
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	19		19
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	10.484		10.484
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	100.446	(11.058)	89.388
-	Bổ sung cân đối	5.216		5.216
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	5.359		5.359
-	Bổ sung có mục tiêu	89.871	(11.058)	78.813
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-		-

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA
XÃ SƠN TÂY HẠ**

(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	8.175		8.175
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	8.153		8.153
-	Thuế giá trị gia tăng	20		20
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-		-
-	Thuế tiêu thu đặc biệt hàng nội địa	-		-
-	Thuế Tài nguyên	8.133		8.133
2	Lệ phí trước bạ	-		-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-		-
4	Thuế thu nhập cá nhân	10		10
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm an phí)	12		12
	<i>Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>	-		-
6	Thu tiền sử dụng đất	-		-
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-		-
8	Thu tiền cho thuê đất	-		-
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	-		-
9	Thu khác ngân sách	-		-
	<i>Trong đó: Thu phạt ATGT</i>	-		-
10	Thu tại xã	-		-
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-		-
II	Tổng thu ngân sách xã (I)+(2)	86.955	665	87.620
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	86.955	665	87.620
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	9.065	-	9.065
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	12		12
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	9.053		9.053
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	77.890	665	78.555
-	Bổ sung cân đối	6.301		6.301
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	5.296		5.296
-	Bổ sung có mục tiêu	66.293	665.0	66.958
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-		-

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP
CỦA XÃ MINH LONG**

(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	349		349
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	-		0
-	Thuế giá trị gia tăng	-		0
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-		0
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-		0
-	Thuế Tài nguyên	-		0
2	Lệ phí trước bạ	-		0
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-		0
4	Thuế thu nhập cá nhân	-		0
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	40		40
	<i>Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>	-		0
6	Thu tiền sử dụng đất	-		0
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-		0
8	Thu tiền cho thuê đất	-		0
9	Thu khác ngân sách	309		309
	<i>Trong đó: Thu phạt ATGT</i>	-		0
10	Thu tại xã	-		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-		0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	133.498	-19.375	114.123
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	133.498	-19.375	114.123
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	349		349
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	349		349
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	-		0
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	133.149	-19.375	113.774
-	Bổ sung cân đối	21.150		21.150
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	2.694		2.694
-	Bổ sung có mục tiêu	109.305	-19.375	89.930
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-		0

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP
CỦA XÃ SON MAI**

(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	228		228
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	-		0
-	Thuế giá trị gia tăng	-		0
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-		0
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-		0
-	Thuế Tài nguyên	-		0
2	Lệ phí trước bạ	-		0
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-		0
4	Thuế thu nhập cá nhân	-		0
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	49		49
	<i>Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>	-		0
6	Thu tiền sử dụng đất	-		0
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-		0
8	Thu tiền cho thuê đất	-		0
9	Thu khác ngân sách	179		179
	<i>Trong đó: Thu phạt ATGT</i>	-		0
10	Thu tại xã	-		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	-		0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	102.132	-19.128	83.004
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	102.132	-19.128	83.004
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	228		228
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	228		228
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	-		0
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	101.904	-19.128	82.776
-	Bổ sung cân đối	15.295		15.295
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	2.180		2.180
-	Bổ sung có mục tiêu	84.429	-19.128	65.301
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-		0

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP
CỦA XÃ BA VÌ**

(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	504	0	504
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	293	0	293
-	Thuế giá trị gia tăng	285		285
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0		0
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	6		6
-	Thuế Tài nguyên	2		2
2	Lệ phí trước bạ	0		0
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1		1
4	Thuế thu nhập cá nhân	142		142
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	68		68
	<i>Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>	0		0
6	Thu tiền sử dụng đất	0		0
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0		0
8	Thu tiền cho thuê đất	0		0
9	Thu khác ngân sách	0		0
	<i>Trong đó: Thu phạt ATGT</i>	0		0
10	Thu tại xã	0		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	0	0	0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	69.202	3.943	73.145
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	69.202	3.943	73.145
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	166	0	166
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	69		69
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	97		97
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	69.036	3.943	72.979
-	Bổ sung cân đối	61.215	2.617	63.832
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	3.570		3.570
-	Bổ sung có mục tiêu	4.251	1.326	5.577
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP
CỦA XÃ BA TÔ**

(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	148	0	148
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	64	0	64
-	Thuế giá trị gia tăng	64		64
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0		0
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	0		0
-	Thuế Tài nguyên	0		0
2	Lệ phí trước bạ	0		0
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0		0
4	Thuế thu nhập cá nhân	36		36
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	48		48
	<i>Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>	0		0
6	Thu tiền sử dụng đất	0		0
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0		0
8	Thu tiền cho thuê đất	0		0
9	Thu khác ngân sách	0		0
	<i>Trong đó: Thu phạt ATGT</i>	0		0
10	Thu tại xã	0		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	0	0	0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	80.474	-1.223	79.251
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	80.474	-1.223	79.251
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	69	0	69
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	48		48
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	21		21
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	80.405	-1.223	79.182
-	Bổ sung cân đối	72.213	-2.676	69.537
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	4.010		4.010
-	Bổ sung có mục tiêu	4.182	1.453	5.635
2	Thu để lại chỉ quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP
CỦA XÃ BA DINH**

(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	145		145
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	67		67
-	Thuế giá trị gia tăng	67		67
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa			
-	Thuế Tài nguyên			
2	Lệ phí trước bạ			
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1		1
4	Thuế thu nhập cá nhân	34		34
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	43		43
	<i>Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>			
6	Thu tiền sử dụng đất			
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản			
8	Thu tiền cho thuê đất			
9	Thu khác ngân sách			
	<i>Trong đó: Thu phạt ATGT</i>			
10	Thu tại xã			
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh			
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	54.861	5.264	60.125
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	54.861	5.264	60.125
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	66		66
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	44		44
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	22		22
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	54.795	5.264	60.059
-	Bổ sung cân đối	49.563	4.336	53.899
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	2.520		2.520
-	Bổ sung có mục tiêu	2.712	928	3.640
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP
CỦA XÃ BA TƠ**

(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	2.490	0	2.490
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.551	0	1.551
-	Thuế giá trị gia tăng	1.453		1.453
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0		0
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	4		4
-	Thuế Tài nguyên	94		94
2	Lệ phí trước bạ	0		0
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	25		25
4	Thuế thu nhập cá nhân	724		724
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	190		190
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	0		0
6	Thu tiền sử dụng đất	0		0
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0		0
8	Thu tiền cho thuê đất	0		0
9	Thu khác ngân sách	0		0
	Trong đó: Thu phạt ATGT	0		0
10	Thu tại xã	0		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	0	0	0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	88.827	7.291	96.118
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	88.827	7.291	96.118
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	743	0	743
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	215		215
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	528		528
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	88.084	7.291	95.375
-	Bổ sung cân đối	80.058	6.056	86.114
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	3.450		3.450
-	Bổ sung có mục tiêu	4.576	1.235	5.811
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP
CỦA XÃ BA VINH**

(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	81	0	81
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	40	0	40
-	Thuế giá trị gia tăng	40		40
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0		0
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	0		0
-	Thuế Tài nguyên	0		0
2	Lệ phí trước bạ	0		0
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0		0
4	Thuế thu nhập cá nhân	20		20
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	21		21
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	0		0
6	Thu tiền sử dụng đất	0		0
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0		0
8	Thu tiền cho thuê đất	0		0
9	Thu khác ngân sách	0		0
	Trong đó: Thu phạt ATGT	0		0
10	Thu tại xã	0		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	0	0	0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	59.209	-3.424	55.785
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	59.209	-3.424	55.785
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	34	0	34
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	21		21
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	13		13
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	59.175	-3.424	55.751
-	Bổ sung cân đối	53.314	-4.061	49.253
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	2.550		2.550
-	Bổ sung có mục tiêu	3.311	637	3.948
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP
CỦA XÃ BA ĐỘNG**

(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	418		418
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	237		237
-	Thuế giá trị gia tăng	233		233
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa			
-	Thuế Tài nguyên	4		4
2	Lệ phí trước bạ			
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3		3
4	Thuế thu nhập cá nhân	116		116
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	62		62
	<i>Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>			
6	Thu tiền sử dụng đất			
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản			
8	Thu tiền cho thuê đất			
9	Thu khác ngân sách			
	<i>Trong đó: Thu phạt ATGT</i>			
10	Thu tại xã			
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh			
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	63.313	-1.562	61.751
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	63.313	-1.562	61.751
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	145		145
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	65		65
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	80		80
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	63.168	-1.562	61.606
-	Bổ sung cân đối	57.151	-2.342	54.809
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	2.720		2.720
-	Bổ sung có mục tiêu	3.297	780	4.077
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP
CỦA XÃ ĐẶNG THÙY TRÂM**

(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1+2
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	29	0	29
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	12	0	12
-	Thuế giá trị gia tăng	12		12
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0		0
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	0		0
-	Thuế Tài nguyên	0		0
2	Lệ phí trước bạ	0		0
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0		0
4	Thuế thu nhập cá nhân	5		5
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	12		12
	<i>Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>	0		0
6	Thu tiền sử dụng đất	0		0
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0		0
8	Thu tiền cho thuê đất	0		0
9	Thu khác ngân sách	0		0
	<i>Trong đó: Thu phạt ATGT</i>	0		0
10	Thu tại xã	0		0
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	0	0	0
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	51.580	-345	51.235
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	51.580	-345	51.235
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	16	0	16
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	12		12
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	4		4
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	51.564	-345	51.219
-	Bổ sung cân đối	46.506	-1.780	44.726
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	2.470		2.470
-	Bổ sung có mục tiêu	2.588	1.435	4.023
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	-	-	-